CHƯƠNG I: THÀNH PHẦN NGUYÊN TỬ

Các em hoàn thành các bài tập sau.

Câu 1: Điền vào chỗ trống

- Cấu tạo nguyên tử gồm _____ và _____.
  + Vỏ nguyên tử chứa các hạt _____.
  + Hạt nhân nguyên tử chứa các hạt _____ và _____.
- Hạt _____ mang điện tích âm.
- Hạt _____ mang điện tích dương, có khối lượng là __ u.
- Hạt _____ không mang điện, có khối lượng là __ u.
- Đồng vị là những nguyên tử có cùng _____ nhưng khác nhau về _____ .
- Nguyên tử khối = _____.

$^{35}_{17}Cl$

- Nguyên tử Clo ở trên có: + ĐTHN = _____
  + Số hạt proton = _____
  + Số hạt electron = _____
  + Số hạt nơtron = _____ = _____

Câu 2: Nối chọn những nguyên tử là đồng vị của nhau

$^{18}_{8}R$	$^{39}_{19}D$	$^{40}_{20}M$	$^{41}_{20}L$	$^{20}_{9}V$
$^{40}_{19}Z$	$^{19}_{9}T$	$^{16}_{8}X$	$^{40}_{18}Y$	$^{20}_{10}Q$

LIVEWORKSHEETS

Câu 3: Kéo thả các nguyên tố bên dưới vào ô tương ứng với số hiệu nguyên tử của nguyên tố đó

1							2
3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18
19	20						

Ar Be B C Ca Cl F H He K Li Mg N

O P Ne Na Al Si S

(Nhớ học thuộc tên các nguyên tố có Z từ 1 đến 20)

Câu 4: Viết cấu hình electron của nguyên tử (kéo thả các cấu hình e tương ứng vào đúng nguyên tử). Cho biết nguyên tử là kim loại, phi kim hay khí hiếm? Tại sao?

Nguyên tử	Cấu hình e nguyên tử
Na	
Cl	
Ne	
Fe (Z = 26)	

$1s^2\ 2s^2\ 2p^5\ 3s^2$ $1s^2\ 2s^2\ 2p^6\ 3s^2\ 3p^5$ $1s^2\ 2s^2\ 2p^6\ 3s^2\ 3p^6\ 4s^2\ 3d^6$

$1s^2\ 2s^2\ 2p^6\ 3s^2\ 3p^6\ 3d^6\ 4s^2$ $1s^2\ 2s^2\ 2p^5\ 3s^1$ $1s^2\ 2s^2\ 2p^6$

$1s^2\ 2s^1\ 2p^6\ 3s^2\ 3p^6$ $1s^2\ 2s^3\ 2p^5$ $1s^2\ 2s^2\ 2p^6\ 3s^1$

- Na là _____ (vì có _____ lớp ngoài cùng).
- Cl là _____ (vì có _____ lớp ngoài cùng).
- Ne là _____ (vì có _____ lớp ngoài cùng).
- Fe là _____ (vì có _____ lớp ngoài cùng).

LIVEWORKSHEETS